

Số: 168 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch duy trì và nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển
và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index)
tỉnh Đắk Lắk năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 01/TTr-STTTT ngày 04/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch duy trì và nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) tỉnh Đắk Lắk năm 2018”.

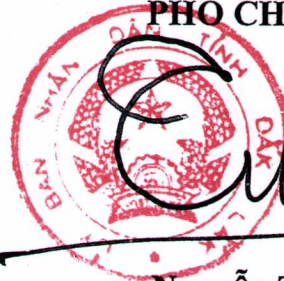
Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- PCVP UBND tỉnh (Đ/c Nguyên);
- Lưu VT, KGVX (H²N- 60b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà



KẾ HOẠCH

Duy trì và nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT index) tỉnh Đắk Lắk năm 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phân tích, đánh giá kết quả đạt được của tỉnh theo các tiêu chí đánh giá Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT Index), từ đó làm rõ điểm mạnh, điểm yếu và đề ra giải pháp duy trì, nâng cao vị trí xếp hạng ICT Index của tỉnh, nâng cao hiệu quả phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT), cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện tốt các nội dung, giải pháp của kế hoạch.

II. KHÁI QUÁT VỀ ICT INDEX 2017

Năm 2017 ICT Index của Việt Nam có sự thay đổi, cải tiến về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp đánh giá, nhằm bảo đảm bám sát định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển và ứng dụng CNTT-TT tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, đồng thời phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế về đánh giá, xếp hạng Chính phủ điện tử. Theo đó ICT Index năm 2016, 2017 bỏ 02 nhóm chỉ số thành phần là: Sản xuất, kinh doanh CNTT và Môi trường tổ chức - chính sách.

ICT Index năm 2017 được đánh giá trên 03 nhóm chỉ số với 30 chỉ tiêu thành phần, cụ thể:

1. Hạ tầng kỹ thuật:

a) **Hạ tầng kỹ thuật xã hội:** gồm 08 chỉ tiêu thành phần.

- Tỷ lệ điện thoại cố định/100 dân.
- Tỷ lệ điện thoại di động/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao Internet/100 dân.

- Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao băng rộng không dây/100 dân.
- Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính.
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng.
- Tỷ lệ doanh nghiệp có kết nối Internet băng rộng.

b) Hạ tầng kỹ thuật của cơ quan nhà nước (CQNN): gồm 04 chỉ tiêu thành phần.

- Tỷ lệ máy tính/CBCCVC trong các CQNN của tỉnh.
- Tỷ lệ băng rộng/CBCCVC trong các CQNN của tỉnh.
- Tỷ lệ CQNN của tỉnh có kết nối WAN của tỉnh hoặc mạng chuyên dùng của Chính phủ.
- Triển khai các giải pháp an toàn thông tin và an toàn dữ liệu trong CQNN của tỉnh.

2. Hạ tầng nhân lực CNTT:

a) Hạ tầng nhân lực xã hội: gồm 04 chỉ tiêu thành phần.

- Tỷ lệ người lớn biết đọc, biết viết.
- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học đến trường.
- Tỷ lệ các trường phổ thông có dạy tin học.
- Tỷ lệ trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành CNTT.

b) Hạ tầng nhân lực các CQNN: gồm 05 chỉ tiêu thành phần.

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT.
- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách có trình độ đại học trở lên về CNTT.
- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin.
- Tỷ lệ công chức, viên chức được tập huấn về phần mềm nguồn mở.
- Tỷ lệ công chức, viên chức trong các CQNN được tập huấn về an toàn thông tin.

3. Ứng dụng CNTT:

a) Ứng dụng CNTT trong các CQNN: gồm 05 chỉ tiêu thành phần.

- Sử dụng thư điện tử trong công việc.
- Triển khai các ứng dụng cơ bản.
- Xây dựng các CSDL chuyên ngành.
- Sử dụng văn bản điện tử.
- Ứng dụng phần mềm nguồn mở.

b) **Dịch vụ công trực tuyến:** Đánh giá dựa trên 4 tiêu chí thành phần về tỷ lệ cung cấp 4 mức độ của dịch vụ công trực tuyến.

III. XẾP HẠNG ICT INDEX TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2013-2017

1. Xếp hạng tổng thể ICT Index tỉnh Đắk Lắk:

TT	Năm	Xếp hạng chung	Hạ tầng kỹ thuật	Hạ tầng nhân lực CNTT	Ứng dụng CNTT	Sản xuất – kinh doanh CNTT	Môi trường tổ chức – chính sách
1	2017	23	0.28	0.64	0.48		
2	2016	49	0.18	0.38	0.39		
3	2015	29	0.33	0.72	0.45	0.03	0.89
4	2014	24	0.31	0.75	0.43	0.02	0.89
5	2013	24	0.29	0.73	0.42	0.02	0.83

2. Điểm ICT Index tỉnh Đắk Lắk năm 2017

Theo nội dung Báo cáo Vietnam ICT Index 2017, tỉnh Đắk Lắk đạt 0,4655 điểm xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố; cải thiện 26 bậc so với năm 2016 (năm 2016 xếp hạng 49/63). Xét trong khu vực Tây nguyên, tỉnh Đắk Lắk xếp hạng 2/5, sau Tỉnh Lâm Đồng.

a) Các tiêu chí thành phần tăng điểm trong ICT Index 2017

- Tiêu chí hạ tầng kỹ thuật, Hạ tầng nhân lực, Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tăng điểm. Nguyên nhân do tỷ lệ thuê bao di động/100 dân, tỷ lệ thuê bao internet/100 dân tăng. Việc triển khai nộp thuế điện tử và sử dụng chữ ký số tại 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng, điều này cũng góp phần tăng điểm tiêu chí hạ tầng kỹ thuật.

- Việc 100% các trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành CNTT đã góp phần tăng điểm về Hạ tầng nhân lực.

- Năm 2016, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đến cấp xã; Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tích hợp Một Cửa điện tử liên thông của tỉnh (iGate) đã bắt đầu triển khai cho một số đơn vị. Việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử, thư điện tử công vụ đã góp phần tăng điểm đáng kể cho tiêu chí ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước. Vì năm 2015, hệ thống quản lý văn bản và điều hành chưa triển khai đồng bộ, Hệ thống iGate chưa được triển khai (số liệu thu thập năm trước để lấy đánh giá ICT Index cho năm sau).

b) Các tiêu chí thành phần bị giảm điểm trong ICT index 2017

Tiêu chí Dịch vụ công trực tuyến trong ICT index 2017 giảm điểm từ hạng 39/63 xuống hạng 42/63. Về lĩnh vực này, số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 năm 2016 của tỉnh (Mức 3 là 20,4%, mức 4 là 12,5%) có tăng nhiều so với năm 2015; tuy nhiên về tiêu chí này lại giảm điểm so với ICT index 2016 là vì ICT Index 2017 có thay đổi cách đánh giá về dịch vụ công trực tuyến theo hướng nâng tỷ lệ sử dụng mức độ 3 và 4 (có khác so với ICT index 2016).

Hơn nữa, trong năm 2016, tỉnh mới triển khai thí điểm Hệ thống iGate tại thành phố Buôn Ma Thuột nên mức độ cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ còn thấp nên dẫn đến ICT Index 2017 về tiêu chí này thấp so với cả nước (mặc dù ứng dụng CNTT của tỉnh có tăng so với năm 2016). Dự kiến về tiêu chí này sẽ được cải thiện tốt hơn trong ICT Index 2018.

c) Nhận xét chung

Đề vưon lên vị trí thứ 23/63 về Chỉ số ICT Index 2017, đạt chỉ số cao nhất của tỉnh trong các năm qua. Lý do tỉnh đã ban hành nhiều quyết định, cơ chế chính sách đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong cơ quan nhà nước. Hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông, máy tính và triển khai các ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước được tăng cường, cải thiện và phổ biến; bên cạch đó Hạ tầng nhân lực về công nghệ thông tin - truyền thông trong xã hội năm 2016 có cải thiện đáng kể so với năm 2015.

Trong đó, yếu tố chủ yếu là:

- Hệ thống Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh (iDesk) đã triển khai và sử dụng chính thức tại tất cả Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và một số địa phương triển khai đến cấp xã. Hệ thống Thư điện tử công vụ có 81 đơn vị sử dụng với trên 13.000 tài khoản người dùng. Tỷ lệ cán bộ, công chức của tỉnh trong năm 2016 sử dụng văn bản điện tử, thư điện tử công vụ có cải thiện và thường xuyên hơn so với năm 2015.

- Năm 2016, tỉnh bắt đầu đã triển khai Hệ thống iGate đến cấp xã, phường; số hồ sơ các mức độ thực hiện dịch vụ công, số hồ sơ được xử lý liên thông đã được cập nhật thường xuyên lên Hệ thống iGate.

- 100% cơ quan nhà nước có công, trang thông tin điện tử, chất lượng cung cấp thông tin từng bước được cải thiện và tiến tới minh bạch thông tin của cơ quan nhà nước; đặc biệt là thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của tỉnh đã đăng tải kịp thời trên môi trường mạng phục vụ rộng rãi cho cộng đồng, xã hội.

- Hiện tại trên Hệ thống iGate đã cung cấp 1.565 dịch vụ công trực tuyến (100%); trong đó có 1.099 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 2 và thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế “Một Cửa điện tử liên thông”, có 466 bộ thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến qua mạng, bao gồm: 434 bộ thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3; có 32 bộ thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 4; tiêu chí điểm thành phần này trong ICT Index 2018 có khả năng tăng

so với ICT Index 2017. Tuy nhiên, theo phương pháp đánh giá mới hiện nay, nếu các cơ quan, đơn vị, người dân sử dụng ít (số lượng hồ sơ nộp qua mạng, trực tuyến mức độ 3 và 4 thấp) thì khả năng tụt hạng cũng có thể xảy ra.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ ICT INDEX NĂM 2018 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

Để tiếp tục duy trì và nâng cao Chỉ số ICT Index cho các năm sau, UBND tỉnh xác định những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm duy trì, cải thiện các chỉ số thành phần năm 2018 và các năm tiếp theo như sau:

1. Chỉ số Hạ tầng kỹ thuật

a) Trong các CQNN:

- Đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, CNTT, kết nối mạng nội bộ, mạng diện rộng, trang thiết bị CNTT cho các CQNN ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã). Nâng tỷ lệ cơ quan nhà nước có kết nối mạng diện rộng lên 50%.
- Triển khai hệ thống hội nghị truyền hình từ cấp huyện đến cấp xã. Phần đầu 30% cuộc họp được tổ chức qua hệ thống hội nghị truyền hình.
- Triển khai các hệ thống đảm bảo an toàn thông tin và an toàn dữ liệu: Đầu tư Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh, bổ sung trong thiết bị an toàn thông tin, an toàn dữ liệu cho các CQNN.

b) Trong xã hội:

- Phủ sóng wifi công cộng tại thành phố Buôn Ma Thuột góp phần nâng cao dân trí, quản bá du lịch; từng bước xây dựng đô thị thông minh.
- Đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, Internet, điện lưới cho các xã ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh; kết hợp với chương trình viễn thông công ích triển khai trên địa bàn, tăng tỷ lệ thuê bao Internet/100 dân đạt trên 50 thuê bao.

2. Chỉ số Nhân lực CNTT:

a) Trong các CQNN:

- Đảm bảo 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về CNTT, đảm bảo an toàn thông tin; tạo điều kiện cho cán bộ CNTT tham gia khóa học để đạt 100% cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học CNTT trở lên.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên sâu về quản trị, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn thông tin cho 100% cán bộ chuyên trách về CNTT.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuẩn kỹ năng CNTT, an toàn thông tin, phần mềm nguồn mở cho cán bộ, CCVC trong CQNN của tỉnh.

b) Trong xã hội:

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy tin học đối với các cơ sở giáo dục; trang bị, nâng cấp phòng tin học, máy tính ở các cấp học chú trọng đối với cấp tiểu học. Có giải pháp về xã hội hóa giáo dục, huy động sự hợp tác với các doanh nghiệp, đóng góp của các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể ...

3. Chỉ số Ứng dụng CNTT:

a) Trong các CQNN:

- Về sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc: Nâng cao tỷ lệ cán bộ, CCVC sử dụng thư điện tử của tỉnh trong công việc đạt 100%. Thực hiện việc nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh trong năm 2018.

- Về triển khai các ứng dụng cơ bản:

+ Tiếp tục duy trì, triển khai nhân rộng và khai thác sử dụng hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại cấp tỉnh, huyện, xã.

+ Ứng dụng chữ ký số: Quý III năm 2018 tích hợp chữ ký số trên các phần mềm dùng chung của tỉnh để thuận tiện cho việc sử dụng văn bản điện tử và trong giao dịch trực tuyến giữa cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Ứng dụng chuyên ngành: Tiếp tục triển khai sâu rộng, hiệu quả các ứng dụng chuyên ngành về quản lý ngân sách, tài chính, tài sản ...

+ Về xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành: số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành gồm: dân cư, y tế, giáo dục, tài nguyên môi trường, đất đai, nông nghiệp ... đảm bảo tính kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan.

- Về sử dụng Văn bản điện tử: Có biện pháp tăng cường, đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống phần mềm đã triển khai để nâng cao tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước thay văn bản giấy phấn đấu đạt từ 80% trở lên.

- Về ứng dụng phần mềm nguồn mở: tiếp tục ứng dụng các phần mềm nguồn mở thông dụng miễn phí sẵn có hỗ trợ công việc như: phần mềm bộ gõ tiếng việt (Unikey), phần mềm email (Mozilla Thunderbird), trình duyệt web (Mozilla FireFox)

...

b) Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến:

- Ban hành các văn bản quy định sử dụng Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một Cửa điện tử liên thông của tỉnh để nâng cao tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến hồ sơ các thủ tục hành chính mức độ 3 từ 30% trở lên, mức độ 4 từ 20% trở lên và phấn đấu tăng tối thiểu 10%/năm.

- Quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh về việc Công bố bộ thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết qua Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một Cửa điện tử liên thông tỉnh Đắk Lắk; đồng thời đăng tải đầy đủ, kịp thời văn bản xin lỗi về việc trễ hạn thủ tục hành chính lên hệ thống iGate để công khai, phục vụ công tác theo dõi, quản lý, chỉ đạo của UBND tỉnh về hoạt động này theo Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một Cửa điện tử liên thông của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT hiện đại hóa công tác hành chính; gắn kết giữa ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính với nhiệm vụ phát triển Cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử tại địa phương theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử.

- Đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra, theo dõi và tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính chỉ đạo kịp thời về việc hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng CNTT tương tác chính quyền, trong đó chú trọng việc nâng cao hiệu quả sử dụng Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông, phấn đấu các hồ sơ giao dịch phục vụ người dân phải điện tử hóa hoàn toàn, đưa vào quy trình điện tử để kiểm soát, phục vụ giải quyết nhanh chóng, sớm trả kết quả cho người dân.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ sử dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nền hành chính hiện đại; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc ứng dụng CNTT, triển khai công tác thi đua xếp hạng ứng dụng CNTT trong các ngành, các cấp, nhằm động viên (hoặc phê bình) kịp thời các cá nhân, đơn vị tích cực (hoặc yếu kém) trong việc ứng dụng CNTT hướng đến nền hành chính hiện đại.

2. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh đảm bảo ngân sách sự nghiệp nhà nước hàng năm kịp thời cho việc triển khai các ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Đôn đốc việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc Công thông tin điện tử của tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai 100% thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí vốn kịp thời đối với các dự án CNTT liên quan về cải cách hành chính trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, nguồn ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua nhằm hỗ trợ, thúc đẩy cải cách hành chính của tỉnh.

5. Sở Nội vụ

- Thực hiện hiệu quả chương trình, kế hoạch cải cách hành chính gắn với hoạt động ứng dụng CNTT hiện đại nền hành chính công và phục vụ người dân, doanh nghiệp; trong đó phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc tin học hóa về quy trình, thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để tham mưu UBND tỉnh xử lý nghiêm đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thiếu trách nhiệm về ứng dụng CNTT trong công tác hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

6. Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu về ứng dụng CNTT; quán triệt trong cán bộ công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị về ứng dụng CNTT trong công tác hành chính và chấp hành triệt để các quy chế, quy định về việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Quan tâm bố trí nguồn lực đảm bảo cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị và công tác bảo đảm an toàn thông tin theo yêu cầu nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và triển khai ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đồng bộ công nghệ và đăng tải, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan với Cổng TTĐT tỉnh và sử dụng văn bản điện tử trên hệ thống Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh (iDesk), sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ về việc tin học hóa quy trình, thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa điện tử liên thông; đồng thời tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và sử dụng văn bản điện tử trong công tác hành chính./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hà